

Tăng tỷ trọng

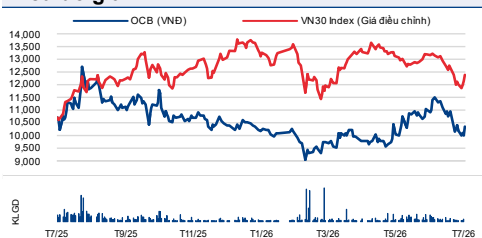
Giá mục tiêu: VNĐ12,783

Tiềm năng tăng/giảm: 23.5%

Giá cổ phiếu (đồng) (30/7/2026)	10,350
Mã Bloomberg	OCB VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	9,044-12,696
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	10,113
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	31,697
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	1,206
Slg CP lưu hành (tr.đv)	3,063
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	586
Slg CP NN được mua (tr.đv)	61.0
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	22.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	19.7%
Tỷ lệ freefloat	15.6%
Cổ đông lớn	Ngân hàng Aozora (15.0%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-25A	12-26F	12-27F
Tổng tài sản (ntđ)	323	364	419
Dư nợ cho vay (ntđ)	203	229	259
Tổng thu nhập HĐ (ntđ)	11.6	12.4	14.2
Lợi nhuận thuần (ntđ)	4.01	4.47	5.11
BVPS (đồng)	11,077	12,537	14,207
EPS (đồng)	1,309	1,460	1,670
DPS (đồng)	564	0	0
T.trưởng cho vay KH (%)	15.4	12.7	13.1
T.trưởng thu nhập HĐ (%)	15.1	7.01	14.6
Tăng trưởng EPS (%)	26.3	11.5	14.4
Tăng trưởng DPS (%)	nm	(100)	nm
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	43.0	0	0
ROAE (%)	12.2	12.4	12.5
ROAA (%)	1.33	1.30	1.31
Tỷ lệ NIM (%)	3.16	3.02	3.09
Tỷ lệ CIR (%)	36.3	34.7	33.7
Hệ số CAR (%)	12.6	11.5	11.3
Tỷ lệ nợ xấu (%)	3.32	3.20	3.00
LLR/nợ xấu (%)	53.4	50.8	51.0
Hệ số LDR (%)	135	131	127
P/B (lần)	0.93	0.83	0.73
P/E (lần)	7.91	7.09	6.20
Lợi suất cổ tức (%)	5.45	0	0

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

OCB là một NH quy mô vừa tập trung cho vay lĩnh vực bất động sản, xây dựng và tín dụng xanh. Ngân hàng có CAR và ROE tầm trung.

Chuyên viên phân tích

Nguyễn Bảo Ngọc

Chuyên Viên, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
ngoc.nguyenbao@hsc.com.vn
+84 3 4605 3471 Ext. 4883

Phạm Liên Hà, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành DV Tài Chính
ha.plien@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4852

LNTT Q2 tăng 25% so với cùng kỳ – khả quan nhưng thấp hơn một chút so với dự báo

- OCB đã công bố KQKD Q2 tích cực, tuy nhiên vẫn thấp hơn một chút so với kỳ vọng của chúng tôi. LNTT Q2/2026 tăng 25% so với cùng kỳ đạt 1,2 nghìn tỷ đồng, tương đương LNTT nửa đầu năm 2026 đạt 2,5 nghìn tỷ đồng, tăng 31% so với cùng kỳ, hoàn thành 44% dự báo cả năm 2026 của chúng tôi.
- Những điểm nhấn chính bao gồm thu nhập phí tăng mạnh 34% so với cùng kỳ và tín dụng tăng 11% kể từ đầu năm. Tỷ lệ NIM cải thiện 5 điểm cơ bản so với quý trước, đúng như kỳ vọng, mặc dù vẫn kém tích cực hơn bình quân nhóm NHTM tư nhân. Chất lượng tài sản cho thấy dấu hiệu căng thẳng sớm khi nợ nhóm 2 tăng lên, mặc dù tỷ lệ nợ xấu gộp và nợ xấu mới hình thành ổn định.
- Sau khi giá cổ phiếu giảm 6% trong 1 tháng qua, OCB đang giao dịch với P/B dự phóng năm 2026 là 0,83 lần, thấp hơn 38% so với bình quân nhóm NHTM tư nhân. HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu.

Sự kiện: Công bố KQKD Q2/2026 vào ngày 30/7/2026

LNTT Q2/2026 đạt 1,2 nghìn tỷ đồng, tăng mạnh 25% so với cùng kỳ nhưng thấp hơn một chút so với kỳ vọng của chúng tôi do chi phí dự phòng cao hơn dự báo. Động lực tăng trưởng lợi nhuận chủ yếu nhờ thu nhập ngoài lãi tăng 47% so với cùng kỳ, trong đó lãi thuần HĐ dịch vụ tăng 34% so với cùng kỳ, trong khi thu nhập lãi thuần tăng vừa phải 16% so với cùng kỳ. Những yếu tố tích cực này bị bù trừ một phần bởi chi phí dự phòng tăng 43% so với cùng kỳ.

Theo đó, LNTT nửa đầu năm 2026 đạt 2,5 nghìn tỷ đồng, tăng 31% so với cùng kỳ, hoàn thành 44% dự báo cả năm 2026 của chúng tôi.

Tín dụng tăng trưởng mạnh 11% kể từ đầu năm nhưng thanh khoản thắt chặt

Tăng trưởng tín dụng tăng tốc, đạt 11% kể từ đầu năm, cao hơn đáng kể so với ngành. OCB nhiều khả năng đã sử dụng hết hạn mức tín dụng được NHNN

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 31/7.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Tóm tắt KQKD Q2/2026 và các chỉ số quan trọng, OCB

	Q2/25	Q2/26	So với cùng kỳ	6T25	6T26	So với cùng kỳ	% 2026 HSCF
Thu nhập lãi thuần	2,179	2,525	16%	4,343	4,908	13%	48%
Thu nhập ngoài lãi	463	680	47%	572	1,020	78%	45%
Lãi thuần HĐ dịch vụ	297	396	34%	427	555	30%	46%
Lãi thuần HĐKD ngoại hối	104	43	-59%	111	130	16%	52%
Lãi thuần mua bán trái phiếu	-101	-14		-201	-32		
Thu nhập khác	163	255	57%	234	367	57%	43%
Tổng thu nhập HĐ	2,642	3,205	21%	4,915	5,928	21%	48%
Chi phí HĐ	-1,009	-1,054	4%	-2,011	-2,064	3%	48%
Lợi nhuận HĐ trước trích lập dự phòng	1,633	2,151	32%	2,904	3,864	33%	48%
Chi phí dự phòng	-634	-905	43%	-1,012	-1,394	38%	56%
LNTT	999	1,246	25%	1,892	2,470	31%	44%
Lợi nhuận thuần	793	973	23%	1,505	1,948	29%	44%
Ghi chú							
Tăng trưởng tín dụng so với đầu năm	8.2%	11.0%	2.7 điểm %	Tín dụng tăng trưởng tích cực, vượt kỳ vọng của chúng tôi			
Tỷ lệ NIM	3.42%	3.04%	-38 điểm cơ bản	Tỷ lệ NIM phục hồi nhẹ đúng như kỳ vọng nhưng thấp hơn so với các NHTM khác			
Tỷ lệ nợ nhóm 2	1.9%	2.3%	0.4 điểm %	Tỷ lệ nợ nhóm 2 tăng cho thấy những dấu hiệu căng thẳng ban đầu về chất lượng tài sản			
Tỷ lệ nợ xấu	4.1%	3.6%	-0.5 điểm %				

Nguồn: OCB, HSC

cấp ban đầu. Tăng trưởng cho vay đạt 10,4% kể từ đầu năm, trong khi dư nợ TPDN tăng mạnh trở lại 65,5% kể từ đầu năm trên nền thấp sau giai đoạn liên tục thu hẹp gần đây.

Huy động tăng trưởng chậm hơn so với tín dụng với tổng huy động tăng 5,9% kể từ đầu năm, trong đó tiền gửi khách hàng tăng 6,4% và giấy tờ có giá tăng 4,5%. Do đó, hệ số LDR điều chỉnh tăng lên mức cao gần đây là 100,1%, cho thấy vị thế thanh khoản thắt chặt hơn.

Tỷ lệ NIM cải thiện nhẹ đúng như kỳ vọng

Tỷ lệ NIM mở rộng 5 điểm cơ bản so với quý trước (giảm 38 điểm cơ bản so với cùng kỳ) đạt 2,97% trong Q2/2026, sát với dự báo của chúng tôi, chủ yếu nhờ hệ số LDR tăng lên. Trong khi đó, chi phí huy động tăng 42 điểm cơ bản so với quý trước (tăng 129 điểm cơ bản so với cùng kỳ) phù hợp với xu hướng lợi suất tài sản (tăng 42 điểm cơ bản so với quý trước và tăng 113 điểm cơ bản so với cùng kỳ) nhờ tiếp tục điều chỉnh lại lãi suất cho vay. Mặc dù mức tăng của chi phí huy động và lợi suất tài sản đều vượt dự báo của chúng tôi, tác động thuần lên tỷ lệ NIM nhìn chung sát với dự báo.

So với một số NHTM tư nhân khác, tỷ lệ NIM của OCB vẫn phục hồi tương đối khiêm tốn. Chúng tôi cho rằng điều này một phần phản ánh áp lực chất lượng tài sản đang tăng lên của Ngân hàng.

Chất lượng tài sản cho thấy những dấu hiệu căng thẳng ban đầu

Các chỉ số nợ xấu nhìn chung ổn định nhưng những dấu hiệu căng thẳng ban đầu đã xuất hiện khi nợ nhóm 2 tăng lên. Cụ thể:

- Tỷ lệ nợ xấu gộp (nợ xấu báo cáo + các khoản vay chờ xử lý + trái phiếu VAMC thuần) vẫn ở mức cao 4,1%. Mặc dù đã cải thiện từ mức đỉnh 4,7% vào cuối năm 2023, tỷ lệ này vẫn dao động quanh mức 4% trong 10 quý vừa qua.
- Tỷ lệ nợ xấu mới hình thành gộp duy trì ở mức thấp 1%, thấp hơn bình quân năm 2025 (1,4%) và bình quân giai đoạn căng thẳng năm 2023 (3,9%).
- Tuy nhiên, tỷ lệ nợ nhóm 2 tăng lên 2,3% từ 1,9% trong Q1/2026 và 1,7% tại thời điểm cuối năm 2025, cho thấy áp lực tiềm ẩn lên chất lượng tài sản trong tương lai.

Theo đó, OCB đã chủ động trích lập dự phòng hơn, với chi phí dự phòng tăng 43% so với cùng kỳ và chi phí tín dụng (tính theo năm) tăng lên 1,7% (so với 1,2% trong năm 2025). Theo đó, chi phí dự phòng nửa đầu năm 2026 đã đạt 56% dự báo cả năm của chúng tôi, vượt dự báo. Trong khi đó, tỷ lệ bao phủ nợ xấu LLR cải thiện lên 60%, cho thấy BLĐ đang dần củng cố bộ đệm dự phòng trước áp lực tiềm ẩn về chất lượng tài sản.

Điểm sáng từ thu nhập phí

Thu nhập ngoài lãi tăng 47% so với cùng kỳ, sát với kỳ vọng của chúng tôi. Động lực chính là lãi thuần HĐ dịch vụ tăng 34% so với cùng kỳ, chúng tôi cho rằng chủ yếu nhờ phí tư vấn phát hành trái phiếu tăng mạnh, phù hợp với kế hoạch BLĐ đưa ra trước đó. Thu nhập từ thu hồi nợ xấu cũng tăng nhẹ 9% so với cùng kỳ, trong khi thu nhập từ hoạt động tự doanh không đáng kể trong quý.

HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu

Sau khi giá cổ phiếu giảm 6% trong 1 tháng qua, OCB đang giao dịch với P/B dự phóng năm 2026 là 0,83 lần, thấp hơn 38% so với bình quân nhóm NHTM tư nhân ở mức 1,32 lần với hệ số ROE dự phóng năm 2026 thấp hơn (12,4% so với 17,1%). HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (nghìn tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Thu nhập lãi	18.0	21.1	26.3	30.1	34.4
Chi phí lãi	(9.35)	(11.9)	(16.1)	(18.3)	(20.7)
Thu nhập lãi thuần	8.61	9.25	10.1	11.8	13.7
Lãi thuần HĐ dịch vụ	0.93	1.01	1.20	1.39	1.60
Lãi thuần HĐ KDNH	0.31	0.22	0.25	0.25	0.28
Lãi/lỗ từ mua bán CK	(0.19)	(0.27)	(0.04)	(0.03)	(0.04)
Thu nhập từ góp vốn, mua cp	0	0.00	0	0	0
Thu nhập khác	0.41	1.39	0.85	0.78	0.74
Tổng thu nhập HĐ	10.1	11.6	12.4	14.2	16.3
Chi phí HĐ	(3.80)	(4.20)	(4.30)	(4.79)	(5.41)
LN trước dự phòng	6.27	7.39	8.10	9.42	10.9
Chi phí dự phòng	(2.26)	(2.36)	(2.51)	(3.02)	(3.60)
Lãi/lỗ từ Cty LD,LK	-	-	-	-	-
LNTT	4.01	5.02	5.59	6.39	7.29
Chi phí thuế TNDN	(0.83)	(1.01)	(1.12)	(1.28)	(1.46)
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Lợi nhuận thuần	3.17	4.01	4.47	5.11	5.84
EPS (đồng)	1,036	1,309	1,460	1,670	1,906
DPS (đồng)	0	564	0	0	0
Slg CP bình quân (triệu đv)	3,063	3,063	3,063	3,063	3,063
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	3,063	3,063	3,063	3,063	3,063
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	3,063	3,063	3,063	3,063	3,063

Bảng cân đối kế toán (nghìn tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	0.79	1.16	1.21	1.42	1.60
Tiền gửi tại NHNN	2.38	2.88	4.37	3.06	3.46
Tiền gửi tại các TCTD khác	39.1	53.1	59.9	74.5	83.0
Chứng khoán kinh doanh	0	0.05	0	0	0
Các công cụ tài chính phái sinh	0	0.09	0	0	0
Số dư cho vay thuần	173	199	225	255	288
Tổng dư nợ cho vay	176	203	229	259	293
Dự phòng rủi ro	(2.59)	(3.61)	(3.72)	(3.96)	(4.41)
Chứng khoán đầu tư	52.6	58.4	63.6	73.5	82.4
CK đầu tư sẵn sàng để bán	52.6	57.1	62.5	74.0	83.2
CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	0	1.31	1.31	0	0
Dự phòng rủi ro	(0.05)	(0.03)	(0.27)	(0.52)	(0.77)
Đầu tư dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	0.63	0.69	0.66	0.66	0.66
Tài sản khác	11.9	7.26	8.76	11.1	12.5
Tổng tài sản	281	323	364	419	472
Nợ phải trả	249	289	325	376	423
Tiền gửi của NHNN	3.47	7.90	10.3	6.59	6.67
Tiền gửi của các TCTD khác	45.0	54.8	60.0	67.8	76.6
Tổng tiền gửi KH	142	150	175	204	231
Trái phiếu và CCTG	44.0	64.7	68.0	79.3	89.7
Nợ khác	7.79	5.35	4.61	10.4	11.8
Vốn chủ sở hữu	31.7	33.9	38.4	43.5	49.3
Vốn điều lệ	24.7	26.6	30.6	30.6	30.6
Thặng dư vốn cổ phần	0.05	0	0	0	0
Lợi nhuận giữ lại	3.74	3.97	4.45	9.56	15.4
Quỹ & vốn khác của CSH	3.22	3.32	3.32	3.32	3.32
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	281	323	364	419	472
BVPS (đồng)	10,342	11,077	12,537	14,207	16,113

Chỉ số tăng trưởng, hiệu quả & định giá	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số tăng trưởng					
Tăng trưởng tổng TS (%)	16.9	15.0	12.6	15.3	12.6
Tăng trưởng cho vay KH (%)	19.1	15.4	12.7	13.1	13.1
Tăng trưởng huy động KH (%)	13.1	5.31	16.5	16.7	13.0
Tăng trưởng tiền gửi và CCTG (%)	13.9	15.1	13.1	16.7	13.0
Tăng trưởng VCSH (%)	11.0	7.11	13.2	13.3	13.4
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần (%)	27.2	7.46	9.54	16.7	16.1
Tăng/giảm chi phí hoạt động (%)	19.9	10.5	2.35	11.4	13.0
Tăng trưởng LN trước dự phòng (%)	8.65	17.9	9.66	16.2	15.7
Tăng trưởng LNTT (%)	(3.22)	25.4	11.4	14.3	14.1
Tăng trưởng LN thuần (%)	(3.91)	26.3	11.5	14.4	14.1

Chỉ số hiệu quả					
Tổng TN HĐ/Tổng TS BQ (%)	3.87	3.84	3.61	3.63	3.66
Chi phí/Tổng TS bình quân (%)	(1.46)	(1.39)	(1.25)	(1.22)	(1.22)
TS sinh lãi BQ/tổng TS BQ (%)	95.8	97.1	97.8	97.7	97.7
Tổng TN HĐ/nhân viên (tỷ đồng)	1.43	1.50	1.46	1.67	1.92
LN thuần/CN, Phòng GD (tỷ đồng)	18.1	20.9	21.4	24.5	27.9

Chỉ số định giá					
P/E (lần)	9.99	7.91	7.09	6.20	5.43
P/B (lần)	1.00	0.93	0.83	0.73	0.64
Lợi suất cổ tức (%)	0	5.45	0	0	0

Chỉ số lợi nhuận & chỉ số khác	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số lợi nhuận					
TN thuần/Tổng TN HĐ (%)	31.5	34.6	36.0	36.0	35.8
ROAA (%)	1.22	1.33	1.30	1.31	1.31
ROAE (%)	10.5	12.2	12.4	12.5	12.6
Chi phí huy động BQ (%)	4.35	4.63	5.47	5.45	5.43
Lợi suất góp BQ (%)	7.20	7.21	7.83	7.87	7.90
Lợi suất thuần (%)	2.85	2.57	2.36	2.42	2.47
Tỷ lệ NIM (%)	3.45	3.16	3.02	3.09	3.15
TN lãi thuần/Tổng TN HĐ (%)	9.25	8.72	9.71	9.80	9.84
Lãi thuần HĐ DV/Tổng TN HĐ (%)	85.5	79.8	81.7	83.2	84.2
TN ngoài lãi khác/Tổng TN HĐ (%)	5.28	11.5	8.60	7.00	5.99
Tỷ lệ CIR (%)	37.8	36.3	34.7	33.7	33.2
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	43.0	0	0	0

Chỉ số an toàn vốn					
Hệ số CAR (%)	12.1	12.6	11.5	11.3	11.4
VCSH/Tổng TS (%)	11.3	10.5	10.6	10.4	10.5
Đòn bẩy vốn (lần)	8.86	9.52	9.47	9.63	9.57

Chỉ số chất lượng tài sản					
Tỷ lệ nợ xấu (%)	4.16	3.32	3.20	3.00	2.90
Hệ số LLR (%)	35.3	53.4	50.8	51.0	51.9

Chỉ số thanh khoản					
Hệ số LDR (%)	123	135	131	127	127
Vay liên NH/ Tổng huy động (%)	19.4	20.3	19.8	19.3	19.3
Dư nợ cho vay/ Tổng TS (%)	62.7	62.9	62.9	61.8	62.0

Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	175	192	209	209	209
Số lượng nhân viên	7,026	7,728	8,500	8,500	8,500

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn